

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY  
THANH TRÌ

Số: 19 /2024/CV

Mẫu số 01-A  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần May Thanh Trì thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần May Thanh Trì

- Mã chứng khoán: TTG
- Địa chỉ: Lô 1 – CN 3 cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0349582229 Fax:
- Email: thuyttg89@gmail.com Website: hapro.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

• BCTC năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán .....):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 27/03/2024 tại đường dẫn: hapro.com.vn

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC năm 2023 đã được kiểm toán

- Văn bản giải trình số

18/2024/CV

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Lý Nam Ninh*





Số: 18 /2024/CV

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2023 so với năm 2022

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên Công ty: Công ty cổ phần may Thanh Trì

Mã chứng khoán: TTG

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 1-CN3, Cụm công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.38615551

Fax: 024.38619953

Công ty chúng tôi xin được giải trình tình hình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 so với năm 2022 như sau:

| STT | Nội dung                | Năm 2023       | Năm 2022        | Tỷ lệ        |
|-----|-------------------------|----------------|-----------------|--------------|
| 1   | Doanh thu               | 33.375.211.664 | 27.289.759.688  | Tăng 22,30%  |
| 2   | Chi phí                 | 31.564.977.401 | 28.875.550.350  | Tăng 9,31%   |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 1.810.234.263  | (1.585.790.662) | Tăng 214,15% |

Lý do: Năm 2022 hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vẫn bị tác động rất nhiều bởi tình hình kinh tế thế giới và trong nước, hàng loạt chi phí đầu vào tăng nên lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty sụt giảm.

Năm 2023 Ban lãnh đạo công ty đã nỗ lực tìm kiếm đơn hàng và kí kết hợp đồng với nhiều đối tác mới (GAWOO CO.,LTD, Công ty TNHH C&C VINA ...) nên doanh thu tăng 22,30% dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 tăng.

Công ty cổ phần May Thanh Trì kính giải trình đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông được biết.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu HC

CÔNG TY CP MAY THANH TRÌ

TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lý Nam Ninh*



**anviet**  
Certified Public Accountants

**Công ty TNHH Kiểm toán An Việt**  
[www.anvietcpa.com](http://www.anvietcpa.com)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

| NỘI DUNG                             | TRANG  |
|--------------------------------------|--------|
| BÁO CÁO CỦA BAN BAN GIÁM ĐỐC         | 2 - 3  |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP            | 4      |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN                 | 5 - 6  |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 7      |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ           | 8      |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH        | 9 - 25 |



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần May Thanh Trì (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

|                       |   |
|-----------------------|---|
| Ông Đặng Anh Tuấn     | Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 09/11/2023)                               |
| Ông Nguyễn Việt Dũng  | Thành viên (Giữ chức vụ Chủ tịch đến ngày 09/11/2023)             |
| Ông Lý Nam Ninh       | Thành viên  |
| Ông Nguyễn Đình Tú    | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 09/11/2023)                             |
| Ông Nguyễn Ngọc Quang | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 09/11/2023)                             |
| Ông Khúc Hà Dũng      | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2023, miễn nhiệm ngày 09/11/2023) |
| Ông Nguyễn Quang Hải  | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023)                            |
| Ông Đinh Hồng Quân    | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023)                            |
| Ông Trần Trọng Phúc   | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/4/2023)                            |

**Ban Giám đốc**

|                         |  |
|-------------------------|--|
| Ông Lý Nam Ninh         | Tổng giám đốc (Bổ nhiệm 02/01/2024;<br>miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc ngày 01/08/2023) |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh | Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02/01/2024)   |
| Bà Phan Thị Lương       | Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03/04/2023, miễn nhiệm ngày 16/12/2023)                     |

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ**

---

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



---

**Lý Nam Ninh**  
**Tổng giám đốc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024



Số: 74 /2024/BCKT-AVI-TC1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần May Thanh Trì**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo Công ty Cổ phần May Thanh Trì (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/03/2024 và trình bày từ trang số 05 đến trang số 25 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Thanh Trì tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Ngô Việt Thanh**  
Phó Tổng giám đốc  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2023-055-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024



**Trần Thị Trang**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2909-2020-055-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**MẪU SỐ B01 - DN**  
*Đơn vị tính: VND*

| CHỈ TIÊU                                     | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2023            | 01/01/2023           |
|--|------------|-------------|-----------------------|----------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  | <b>100</b> |             | <b>7.622.821.266</b>  | <b>6.956.632.792</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> |             | <b>905.872.047</b>    | <b>257.324.348</b>   |
| 1. Tiền                                      | 111        | 5           | 905.872.047           | 257.324.348          |
| <b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>       | <b>130</b> |             | <b>5.449.905.370</b>  | <b>3.835.370.721</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 6           | 3.613.184.681         | 1.507.893.929        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        |             | 100.450.000           | 50.000.001           |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn              | 135        |             | 242.024.400           | 242.024.400          |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 7           | 2.407.142.550         | 2.669.882.937        |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 9           | (912.896.261)         | (634.430.546)        |
| <b>III. Hàng tồn kho</b>                     | <b>140</b> | <b>8</b>    | <b>1.183.179.164</b>  | <b>2.484.843.792</b> |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 1.519.265.034         | 2.830.207.573        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149        |             | (336.085.870)         | (345.363.781)        |
| <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>             | <b>150</b> |             | <b>83.864.685</b>     | <b>379.093.931</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | 12          | 76.996.879            | 368.624.325          |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | 14          | 6.867.806             | 10.469.606           |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   | <b>200</b> |             | <b>4.615.806.486</b>  | <b>1.932.850.634</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | <b>-</b>              | <b>245.800.000</b>   |
| 1. Phải thu dài hạn khác                     | 216        | 7           | -                     | 245.800.000          |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |             | <b>434.156.175</b>    | <b>1.646.109.180</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 11          | 434.156.175           | 1.646.109.180        |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 23.240.404.154        | 24.580.699.663       |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (22.806.247.979)      | (22.934.590.483)     |
| <b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>         | <b>250</b> |             | <b>4.000.000.000</b>  | <b>-</b>             |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết   | 252        | 10          | 4.000.000.000         | -                    |
| <b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |             | <b>181.650.311</b>    | <b>40.941.454</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 12          | 181.650.311           | 40.941.454           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>270</b> |             | <b>12.238.627.752</b> | <b>8.889.483.426</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2023            | 01/01/2023           |
|---|------------|-------------|-----------------------|----------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                          | <b>300</b> |             | <b>6.468.528.174</b>  | <b>4.929.618.111</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                           | <b>310</b> |             | <b>6.468.528.174</b>  | <b>4.929.618.111</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                  | 311        | 13          | 162.043.474           | 111.580.697          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn            | 312        |             | 72.096.952            | 72.096.877           |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước          | 313        | 14          | 679.624.348           | 589.862.086          |
| 4. Phải trả người lao động                      | 314        |             | 1.109.776.500         | 1.100.502.400        |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                    | 315        | 15          | 10.550.215            | 99.788.394           |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                       | 319        | 16          | 3.071.023.050         | 2.862.518.322        |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn            | 320        | 17          | 1.270.144.300         | -                    |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                    | 322        |             | 93.269.335            | 93.269.335           |
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       | <b>400</b> |             | <b>5.770.099.578</b>  | <b>3.959.865.315</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>18</b>   | <b>5.770.099.578</b>  | <b>3.959.865.315</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 20.000.000.000        | 20.000.000.000       |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 20.000.000.000        | 20.000.000.000       |
| 2. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | (499.959.120)         | (499.959.120)        |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 1.766.597.342         | 1.766.597.342        |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối            | 421        |             | (15.496.538.644)      | (17.306.772.907)     |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | (17.306.772.907)      | (15.720.982.245)     |
| - LNST chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 1.810.234.263         | (1.585.790.662)      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>12.238.627.752</b> | <b>8.889.483.426</b> |

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập

Phạm Thị Hương

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hương

Tổng giám đốc



Lý Nam Ninh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B02 - DN  
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm 2023       | Năm 2022        |
|--|-------|-------------|----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | 20          | 32.070.891.219 | 26.026.484.719  |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    |       | 02          | -              | -               |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 32.070.891.219 | 26.026.484.719  |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | 21          | 24.459.969.447 | 20.327.656.979  |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 7.610.921.772  | 5.698.827.740   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | 22          | 1.118.366.215  | 73.880.803      |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | 23          | 207.357.300    | 19.388.811      |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                        |       | 23          | 125.049.575    | -               |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | 24          | 548.763.869    | 447.606.877     |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | 24          | 6.165.783.375  | 7.463.773.481   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 1.807.383.443  | (2.158.060.626) |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | 25          | 185.954.230    | 1.189.394.166   |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | 26          | 183.103.410    | 617.124.202     |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 2.850.820      | 572.269.964     |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 1.810.234.263  | (1.585.790.662) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 51    | 28          | -              | -               |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                     | 52    |             | -              | -               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh              | 60    |             | 1.810.234.263  | (1.585.790.662) |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | 29          | 928            | (813)           |

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*



Phạm Thị Hương

Phạm Thị Hương

Lý Nam Ninh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B03 - DN  
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Năm 2023               | Năm 2022             |
|--|-------|------------------------|----------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |       |                        |                      |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01    | 1.810.234.263          | (1.585.790.662)      |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản  |       |                        |                      |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT   | 02    | 1.211.953.005          | 1.275.826.196        |
| - Các khoản dự phòng   | 03    | 269.187.804            | (336.551.400)        |
| - Lỗi, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ      | 04    | (8.490.609)            | (4.021.303)          |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05    | (44.890.805)           | (609.565.450)        |
| - Chi phí lãi vay  | 06    | 125.049.575            | -                    |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                 | 08    | 3.363.043.233          | (1.260.102.619)      |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09    | (1.635.715.438)        | (93.168.814)         |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10    | 1.310.942.539          | (310.870.021)        |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    | 197.776.722            | 1.252.603.893        |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12    | 150.918.589            | 71.458.513           |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14    | (54.060.534)           | -                    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>   | 20    | <b>3.332.905.111</b>   | <b>(340.079.048)</b> |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>   |       |                        |                      |
| 1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác  | 22    | 30.909.091             | 608.410.793          |
| 2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25    | (4.000.000.000)        | -                    |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   | 27    | 13.981.714             | 1.154.657            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | 30    | <b>(3.955.109.195)</b> | <b>609.565.450</b>   |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>   |       |                        |                      |
| 1. Tiền thu từ đi vay  | 33    | 9.170.144.298          | -                    |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay   | 34    | (7.899.999.998)        | -                    |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36    | -                      | (212.000.000)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | 40    | <b>1.270.144.300</b>   | <b>(212.000.000)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | 50    | <b>647.940.216</b>     | <b>57.486.402</b>    |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | 60    | <b>257.324.348</b>     | <b>199.078.778</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ  | 61    | 607.483                | 759.168              |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | 70    | <b>905.872.047</b>     | <b>257.324.348</b>   |

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Lý Nam Ninh

Phạm Thị Hương

Phạm Thị Hương



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần May Thanh Trì (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Xí nghiệp May xuất khẩu Thanh Trì trực thuộc Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội theo Quyết định số 1397/QĐ - UBND ngày 18/04/2008 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103024083 ngày 24 tháng 04 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 08 ngày 09/01/2024. Tên giao dịch quốc tế của Công ty là THANH TRI GARMENT JOINT STOCK COMPANY. Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng, tương ứng 2.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty giao dịch trên sàn chứng khoán UpCOM với mã chứng khoán là TTG.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 1 - CN3, cụm công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 188 người (tại ngày 31/12/2022 là 206 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, mua bán các mặt hàng dệt, may mặc, thêu, ren; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hàng công nghiệp, khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), hàng lương thực, thực phẩm;

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

**4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.



**4.2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**4.4. Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**4.5. Các khoản phải thu và Dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc phải thu ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại Thuyết minh số 4.4.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.



**4.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**4.7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

|                          | <u>Năm</u> |
|--------------------------|------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 07 - 15    |
| Máy móc, thiết bị        | 05 - 12    |
| Phương tiện vận tải      | 06 - 10    |
| Thiết bị văn phòng       | 05 - 07    |

**4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.